

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng Phí đăng ký
giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi
Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của
Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định
số 18/2026/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định
của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ
sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC;*

*Xét Tờ trình số 324/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2026 và Công văn số
7251/UBND-STC ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về
việc dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thu,
chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng
quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;
Báo cáo thẩm tra số 195/BC-ĐT ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Ban Đô thị Hội
đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại
kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế
độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng
quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.*



Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 4 Điều 10, khoản 1 Điều 21 và khoản 8 mục XII phần A Danh mục phí Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 và khoản 21 Điều 2, khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 7 Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với người nộp phí, tổ chức thu phí, các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng Phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

3. Nghị quyết này không áp dụng đối với các trường hợp sau:

a) Cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, cơ quan khác có thẩm quyền, người khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật được quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ có yêu cầu xóa đăng ký hoặc yêu cầu rút bớt một, một số tài sản bảo đảm để xóa đăng ký đối với tài sản này.

b) Chinh lý thông tin có sai sót trong nội dung đã được đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

c) Xóa đăng ký theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

d) Hủy đăng ký đối với các trường hợp quy định tại Điều 21 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

Điều 2. Người nộp phí và tổ chức thu phí

1. Người nộp phí

Tổ chức, cá nhân có yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm và được Văn phòng đăng ký đất đai, chi nhánh Văn phòng đăng ký có thẩm quyền thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Tổ chức thu phí

a) Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

b) Các cơ quan nhà nước; các đơn vị sự nghiệp, có chức năng được UBND thành phố giao nhiệm vụ.



Điều 3. Mức thu phí

Mức thu phí quy định chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Đối tượng miễn nộp phí; trường hợp nộp phí “0” đồng

1. Đối tượng miễn nộp phí

a) Người thuộc diện hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật.

b) Cá nhân, hộ gia đình đăng ký biện pháp bảo đảm vay vốn tại tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn có hồ sơ đăng ký đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

2. Trường hợp nộp phí “0 đồng”

Đối với các xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, trường hợp khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thì áp dụng mức thu phí 0 đồng đối với phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với hồ sơ Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thu phí, lệ phí “0 đồng” khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 5. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

1. Tổ chức thu phí có trách nhiệm kê khai, thu, nộp và quyết toán phí theo quy định tại Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí.

2. Tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước có chức năng thu phí nộp đầy đủ, kịp thời 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Chương, Mục, Tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

3. Để lại 73% tổng số tiền phí thu được cho tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập để phục vụ công tác thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP; phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 83/2022/NQ-HĐND ngày 15

tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ) quy định mức thu, đối tượng thu, nộp, chế độ quản lý, sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

3. Nghị quyết này bãi bỏ Điều 16 Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định mức thu, nộp, quản lý, sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng quy định tại văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền, giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa XI, nhiệm kỳ 2026-2031, kỳ họp thứ 4, thông qua ngày 31 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VP Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc của Thành ủy;
- Các Ban của HĐND thành phố; đại biểu HĐND thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- VP UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN phường, xã, đặc khu;
- Báo và PT-TH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Chuyên đề CA TPĐN, Công TTĐT thành phố, Công báo thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Dũng





Phụ lục

**MỨC THU PHÍ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM BẰNG
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **72**/2026/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2026
của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	LOẠI HỒ SƠ	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU
1	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đồng/Hồ sơ	80.000
2	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đồng/Hồ sơ	60.000
3	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đồng/Hồ sơ	20.000
4	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đồng/Hồ sơ	30.000
5	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	Đồng/Hồ sơ	80.000